

CHỦ ĐIỂM 2: MỖI NGƯỜI MỘT VẺ (TUẦN 3 – 4)

Chủ điểm *Mỗi người một vẻ* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*; giúp HS nhận thức được xung quanh ta, mỗi người, mỗi vật đều có những đặc điểm riêng, đều có những nét đáng yêu; bước đầu biết tự tin và quý trọng bản thân, biết làm những việc có ích.

BÀI 1: TÓC XOĂN VÀ TÓC THẲNG (tiết 1 – 4, SHS, tr.26 – 28)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được điều em thích ở mỗi bạn trong nhóm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Mỗi người đều có những đặc điểm riêng đáng yêu*; biết liên hệ bản thân: *tôn trọng nét riêng của bạn, rèn luyện để nét riêng của mình đáng yêu hơn*; biết thể hiện tình cảm tôn trọng, quý mến bạn qua việc thực hiện vẽ bạn và đặt tên cho bức vẽ.
3. Viết đúng chữ *B* hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm và đặt được câu với từ ngữ chỉ hoạt động của người, con vật.
5. Đặt được tên cho các kiểu tóc và nói về kiểu tóc em thích.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa *B*.
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Mẹ xoa dầu Lam đến như con không?*
- Ảnh chụp của HS.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Mỗi người một vẻ*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn điều em thích ở mỗi bạn trong nhóm: tên, mái tóc, đôi mắt,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Tóc xoăn và tóc thẳng*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, lời nói, việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: người dẫn chuyện giọng kể thong thả, nhân giọng ở những từ ngữ chỉ suy nghĩ, hành động của Lam và các bạn; giọng các bạn bông đùa; giọng Lam phụng phiếm; giọng mẹ: vỗ về, thể hiện niềm vui, tự hào; giọng thầy hiệu trưởng: thân thiện, gần gũi).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *bồng bềnh, phụng phiếm, âu yếm,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Khi trao giải, thầy hiệu trưởng khen: // “Không chỉ Lam biết nhảy / mà mái tóc của Lam cũng biết nhảy.” //; Sáng nào, Lam cũng dậy sớm / để chải tóc thật đẹp / trước khi đến trường.//; ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *nổi bật* (nổi lên rất rõ khiến dễ dàng nhận thấy ngay), *bồng bềnh* (dáng chuyên động lên xuống nhẹ nhàng như làn sóng, làn gió), *phụng phiếm* (vẻ mặt xì xuống tỏ ý hờn dỗi, không bằng lòng),...

Lưu ý: Khi dạy chi tiết này, GV lưu ý nhắc HS hồn dỗi là hành vi không đẹp, khi không bằng lòng điều gì đó em phải nói ra cho người khác hiểu,...

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Mỗi người đều có những đặc điểm riêng đáng yêu*.
- HS liên hệ bản thân: *tôn trọng nét riêng của bạn, rèn luyện để nét riêng của mình đáng yêu hơn*.

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Mẹ xoa dầu Lam đến như con không?*
- HS luyện đọc lời nói của mẹ, của Lam và luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Mẹ xoa dầu Lam đến như con không?*
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Ai cũng đáng yêu.*
- HS nói với một bạn trong lớp về bức ảnh của mình (ảnh chụp cá nhân hoặc chụp cùng bạn bè, người thân) và đặt tên cho bức ảnh đó (GV gợi ý HS có thể nói và đặt tên theo chi tiết mà em cảm thấy đáng yêu.).
- HS nghe một vài bạn trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ B hoa

- HS quan sát mẫu chữ B hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ B hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ B hoa.
- HS viết chữ B hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ B hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Bạn bè sum họp.*”
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ B hoa và cách nối từ chữ B hoa sang chữ a.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Bạn.*
- HS viết chữ *Bạn* và câu ứng dụng “*Bạn bè sum họp.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

Bạn bè riu rít tìm nhau

Qua con đường đất rực màu rơm phơi.

Hà Sơn

- HS viết chữ B hoa, chữ *Bạn* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát mẫu.
- HS quan sát tranh, tìm từ ngữ phù hợp chỉ người, con vật và hoạt động tương ứng; chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ. (Đáp án: *mẹ – giặt quần áo, bạn nhỏ – tưới cây, bố – cuốc đất, gà trống – gáy, gà mái và gà con – mổ thóc, chó – sữa, chim – hót*)
- HS chơi tiếp sức viết từ ngữ chỉ người, con vật và hoạt động tương ứng.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ người, vật và từ ngữ chỉ hoạt động của người, vật.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.
- HS đặt và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS chơi trò chơi *Đôi bạn* (bạn hỏi được chọn một bạn trả lời) để đặt và trả lời câu hỏi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT một cặp câu hỏi và trả lời theo mẫu.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Nhà tạo mẫu nhí*.
- Nhóm nhỏ quan sát các kiểu tóc trong hình; đặt tên cho từng kiểu tóc.

Lưu ý: GV khơi gợi để HS gọi tên kiểu tóc theo tướng tượng của các em, tránh gò ép.

- HS nói trước lớp về cách đặt tên từng kiểu tóc và chia sẻ về kiểu tóc em thích.